

Số: 330/QĐ-BVUB

Bắc Giang, ngày 05 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai Quyết toán ngân sách năm 2024
của Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN UNG BƯỞU TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 145/TB-SYT ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Bắc Giang về việc Thông báo xét duyệt quyết toán năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 của Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tài chính kế toán và các khoa, phòng trực thuộc đơn vị căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế (B/c);
- Lãnh đạo đơn vị;
- Như Điều 3;
- Phòng KHTH (Đăng Website BV);
- Lưu VT, TCKT.



Nguyễn Danh Song

Biểu số 4- Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018 TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 330 /QĐ-BVUB ngày 05/5/2024 của Giám đốc Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang)

DVT: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu	180.508.540.626	180.508.540.626		
1	Ngân sách NN cấp	2.983.250.000	2.983.250.000		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.983.250.000	2.983.250.000		
2	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	177.525.290.626	177.525.290.626		
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	133.703.380.224	133.703.380.224		
1	Chi sự nghiệp ngân sách cấp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	133.703.380.224	133.703.380.224		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	276.644.762	276.644.762		
1	Lệ phí				
2	Phí	276.644.762	276.644.762		
a	Thuế nộp NSNN	276.644.762	276.644.762		
b	Phí ...				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	5.776.737.970	5.776.737.970		
I	Nguồn ngân sách trong nước	5.776.737.970	5.776.737.970		
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	5.776.737.970	5.776.737.970		
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.776.737.970	5.776.737.970		
II	Nguồn vốn viện trợ				